

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6659	Đặng Thị Ty		01/01/40		ấp 6	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6660	Dịp A Kíu		01/01/31		tổ 5 ấp 2	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6661	Đoàn Văn Bay		01/01/38		259/7 Ấp 6	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6662	Dương Chí Cường		01/01/38		346/5 Ấp 2	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6663	Giáp Quang Thành		01/01/29		283 kdc 8 Ấp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6664	Giáp Thị Pháp		01/01/29		321 tổ 7 Ấp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6665	Hà Thị Châu		01/01/40		ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6666	Hà Thị Cun		01/01/38		327/9 Ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6667	Hà Thị Nàng		01/01/32		Ấp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6668	Hà Trang Bang		01/01/28		151 tổ 8 Ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	500.000	chết t4/2020
6669	Hìn Chú Phốc		01/01/33		13 kdc 1 Ấp 6	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6670	Hồ Say Hìn		01/18/37		KDC 3 ấp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	500.000	chết t4/2020
6671	Hồ Thị Dĩnh		01/01/32		Ấp 8	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6672	Hoàng A Sám		01/01/26		147 tổ 5 Ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6673	Hoàng Tắc Mạnh		01/01/30		66 tổ 1 Ấp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6674	Hoàng Thị Hẫu		01/01/37		KDC 3 áp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6675	Hoàng Thị Lý		01/01/40		áp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6676	Hoàng Thị Nhì		08/15/35		Áp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6677	Hoàng Tiến Nam	01/01/26			372 tổ 9 Áp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6678	Hoàng Văn Hùng	01/01/27			282 tổ 8 Áp 6	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6679	Hoàng Văn Nổi	01/01/40			áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6680	Hứa Thị Ba		01/01/19		217 kdc 3 Áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6681	Huỳnh Văn Thiên	01/01/34			kdc 2 áp 4	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6682	K Briều	01/18/37			KDC 11 áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6683	Ká Brèo		01/01/36		Áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6684	Kống Sám Múi		01/01/31		362 tổ 8 Áp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6685	Lăng Đức Phú	01/18/37			KDC 10 áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6686	Lăng Thành Xuân	01/01/25			356 kdc 10 Á	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6687	Lầu A Lọc		01/01/32		56 kdc 1 Áp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6688	Lầu Thị Bảy		01/01/39		299/8 áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6689	Lày Sui Cú	01/01/38			286/8 Ấp 6	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6690	Lê Hòa	01/18/37			KDC 2 ấp 3	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6691	Lê Thị Cảnh		01/01/31		Ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6692	Lê Thị Cúc		01/01/32		62 kdc Ấp 8	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6693	Lê Thị Lan		01/01/35		ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6694	Lê Thị Viện		01/01/35		ấp 4	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6695	Lê Thị Vĩnh		01/01/40		ấp 6	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6696	Lê Thị Xuân		03/01/39		201/4 Ấp 2	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6697	Lê Văn Bé	11/02/30			ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6698	Lê Văn Chính	01/01/36			Ấp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6699	Lê Văn Nhiều	01/01/30			295 tổ 5 Ấp 2	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6700	Liêu Minh Châu	01/01/35			ấp 8	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6701	Lìu Nị Sinh	01/01/30			185 kdc 5 Ấp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6702	Lô Thị Lầu		09/30/38		ấp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6703	Lô Văn Quý	10/08/36			ấp 6	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6704	Lý A Kiu	01/01/35			120/2 áp 3	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6705	Lý A Mùi		07/14/37		áp 2	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6706	Lý Say Mầu	01/01/35			136/3 áp 8	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6707	Lý Siu Nhảm	01/01/24			367 kdc 2 Áp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6708	Lý Sỷ		01/01/32		kdc 2 Áp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6709	Lý Tạt Phí		01/01/26		74 tổ 3 Áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6710	Lý Thị Chương		03/08/40		393/10 áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6711	Mạc A Si	01/01/26			360 kdc 5 Áp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6712	Ngô Thị Bảy		05/08/33		KCD 10 áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6713	Ngô Văn Hoàn	01/01/33			Áp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6714	Nguyễn Thị Lan		01/01/35		áp 4	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6715	Nguyễn Thị Lệ		01/18/37		KDC 7 áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6716	Nguyễn Thị Loan		11/10/37		áp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6717	Nguyễn Thị Móm		01/01/38		237/7 Áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6718	Nguyễn Thị Nuội		07/22/33		kdc 5 áp 8	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6719	Nguyễn Thị Tron		01/01/29		tổ 3 Ấp 2	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6720	Nguyễn Thị Út		01/01/39		380/9 ấp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6721	Nguyễn Thị Xuân		01/01/35		kdc 2 ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6722	Nguyễn Văn Bọt	01/01/33			Ấp 4	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6723	Nguyễn Văn Hồng	01/01/38			112/1 Ấp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6724	Nim Tín Minh	01/01/27			92 kdc 2 Ấp 2	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6725	Ninh Thị Lưu		01/01/32		209 kdc 3 Ấp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6726	Ninh Thị Vương		01/01/27		343 kdc 9 Ấp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6727	Nông Thị Chương		01/01/36		Ấp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6728	Phạm Thị Bé		01/01/39		47/1 ấp 2	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6729	Phạm Thị Cỏ		12/23/38		33/1 Ấp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6730	Phạm Thị Kim Lành		01/01/32		289 kdc 8 Ấp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6731	Phạm Thị Tý	01/01/30			Ấp 2	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6732	Phạm Văn Lôi	01/01/40			ấp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6733	Phan Thị Thân		04/30/38		Ấp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6734	Phan Thị Út	01/01/38			14/1 Áp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6735	Sấm Pát Mùi	01/01/35			131/1 áp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6736	Sú Nhịt Cú		01/01/39		218/6 áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6737	Tăng Cóng Chấn	01/01/30			92 tổ 1 Áp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6738	Thị Thờ		01/01/29		áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6739	Tò Thị Kít		01/01/23		319 kdc 9 Áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6740	Tò Văn Lý	01/01/29			312 tổ 9 Áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6741	Trần A Sáng	04/02/38			Áp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6742	Trần A Sáng	01/01/30			kdc 3 áp 4	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6743	Trần Nhì Mùi		01/01/37		205/5 áp 6	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6744	Trần Nhộc Pầu	01/01/33			263 Áp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6745	Trần Thị Cam		01/01/37		Áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6746	Trần Thị Lành		01/01/37		361/8 áp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6747	Trần Thị Mãnh		01/01/36		Áp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6748	Trần Thị Mến		01/01/23		Áp 8	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6749	Trần Thị Vân		12/08/38		Ấp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6750	Trần Thị Vùng		01/01/29		91 tổ 3 Ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6751	Trần Văn Phiên	01/01/40			ấp 8	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6752	Trần Văn Trưa	01/01/38			sn225 Ấp 6	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6753	Trịnh A Mùi		11/16/35		ấp 3	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6754	Trương Chúc Châu	01/01/32			tổ 1 Ấp 3	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6755	Tsàn A Mùi		01/18/37		Ấp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6756	Từ Thị Long		01/01/32		209 kdc 6 Ấp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6757	Vân Việt Huân	01/18/37			137/4 ấp 8	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6758	Vây Chóc Hinh	01/01/31			99/3 ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6759	Vì Dầu Phây	01/01/22			314 kdc 9 Ấp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6760	Võ Thị Diễm		01/01/37		342 KDC 3 ấ	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6761	Vòng Chấn Kiu		01/01/37		Ấp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6762	Vòng Hồng Cù	07/06/34			kdc 5 ấp 6	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6763	Vòng Sỷ		01/01/31		95/2 ấp 2	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6764	Vòng Trần Sồi	01/01/33			kdc 1 Áp 1	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6765	Vũ Thị Nhung		01/01/32		118 kdc 1 Áp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6766	Vy Thị Nùng		01/01/30		340 kdc 9 Áp	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6767	Vy Tú Phương	01/01/27			260 tổ 7 Áp 5	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6768	Nguyễn Thị Mẫn		01/01/40		áp 3	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6769	Nguyễn Thị Thìn		01/01/37		290/8 áp 7	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6770	Phan Thị Đẩu	01/01/35			03 áp 8	Phú Tân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
6771	Hoàng Trung Kiên	03/12/09			122/3 áp 5	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
6772	La Thị Lan Quyên		09/24/15		347a/9 áp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
6773	Lâm Văn Dung	11/18/10			136/3 áp 5	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
6774	Nim Quang Cường	01/02/07			kdc 4 Áp 5	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
6775	Phóng Bảo Tuấn	01/10/13			168/a kdc 4 áp	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
6776	Phùng Mỹ Linh		08/14/11		Áp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
6777	Vòng Thao Vân		06/23/14		áp 2	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
6778	Vũ Thành An	01/12/07			37/1 Áp 8	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6779	Chàng Cún Nhục	02/15/94			ấp 6	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6780	Chàng Minh Hội	03/13/82			Ấp 6	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6781	Chènh A Nhì	02/20/88			54/3 ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6782	Chu Thị Hiến		01/01/72		221/6 ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6783	Dương Dương Linh	07/15/91			ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6784	Gìn Cùn Bầu	01/01/61			256 kdc 7 Ấp	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6785	Hà Thị Tào		09/03/80		ấp 5	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.000.000	chết t5/2020
6786	Hoàng Thị Kim Phụng		04/22/77		304 tổ 7 ấp 5	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6787	Hoàng Văn Tường	01/01/66			24 kdc 1 Ấp	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6788	Hoàng Văn Vĩnh	05/09/98			358 tổ 5 Ấp 2	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6789	Hong Cóng Năm	03/16/78			ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6790	Huỳnh Quốc Nam	06/12/60			160/4 ấp 5	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6791	Lài A Sám	03/03/90			127 kdc 3 ấp	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6792	Lao Say Phu	01/01/81			Ấp 2	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6793	Lô Gia Chức	01/01/68			221/6 ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6794	Lô Viết Bánh	10/16/70			Áp 6	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6795	Lừu Nhật Khên	05/21/92			196/5 Áp 6	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6796	Lý Củng Cú		01/01/80		02 kdc 2 Áp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6797	Lý Nhất Quyền	07/19/97			70 kdc 2 Áp 4	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6798	Lý Say Cón	01/01/87			02 kdc 2 Áp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6799	Ngô Văn Em	01/01/74			72 kdc 2 Áp 8	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6800	Nguyễn Công Lực	01/01/77			54 kdc 2 Áp 8	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6801	Nguyễn Hoàng Hữu Ph	01/01/91			56 kdc 3 Áp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6802	Nguyễn Thị Ốc		01/01/70		151 Áp 2	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6803	Nguyễn Văn Quý	01/01/65			kdc 4 Áp 6	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6804	Nguyễn Văn Thành	04/01/66			158/4 áp 6	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6805	Nông A Sáng	10/10/63			áp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6806	Phạm Quốc Đại	01/01/90			304a/8 áp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6807	Phạm Thị Trúc Ly		01/01/84		Áp 8	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6808	Phạm Văn Ron	05/17/73			Áp 8	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6809	Tô Hồng Nhung		09/15/98		44/1 ấp 5	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6810	Trương Mỹ Linh		02/27/88		25 kdc 1 Ấp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6811	Văn Tài Hình	06/01/01			317 kdc 5 Ấp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6812	Võ Đình Cường	01/01/72			ấp 6	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6813	Vòng Say Hinh	05/05/61			206/3 ấp 3	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6814	Chê Há Múi		12/25/82		118/2 Ấp 3	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
6815	Bế Văn Loan	01/01/42			283/10 ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6816	Bùi Thị Biểu		01/01/41		307/8 ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6817	Chênh A Nhì	10/28/48			38/3 Ấp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6818	Dương Thị Thi	01/01/33			103 kdc 3 Ấp	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6819	Hoàng Văn Thành	01/01/60			kdc 10 Ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6820	Hoong Cún Mùi		06/16/54		348/3 ấp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6821	Huỳnh Thị Kim Anh		01/01/50		ấp 2	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6822	Lê Văn Ớt	01/01/47			kdc 5 ấp 2	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	500.000	chết t4/2020
6823	Lê Văn Yếm	12/26/45			196/4 ấp 2	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6824	Nguyễn A Nhì	01/01/36			Áp 7	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6825	Nguyễn Minh Đạo	02/02/42			126/3 Áp 4	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6826	Nguyễn Thị Bê		01/01/36		áp 6	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6827	Nguyễn Thị Hồng Phượng		09/03/51		161 kdc4 áp 4	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6828	Nguyễn Thị Phi		01/01/36		Áp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6829	Nông A Cầu	01/01/54			áp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6830	Phạm Thị Vân		03/05/53		áp 2	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6831	Trần Văn Hư	01/01/54			39 kdc 1 Áp 1	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6832	Lê Ngọc Em		05/02/50		174/4 Áp 2	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6833	Võ Thị Hương		01/01/52		Áp 8	Phú Tân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
6834	Chênh Duy Hưng	11/13/07			319/3 áp 1	Phú Tân	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
6835	Gìn Thiên Kim		07/01/14		áp 7	Phú Tân	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
6836	Giống Nhật Long	10/17/11			192/5 áp 6	Phú Tân	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
6837	Hín Đạt Vinh	05/28/05			Áp 1	Phú Tân	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
6838	Hoàng Bé Thảo		02/12/07		áp 7	Phú Tân	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6839	Hoàng Văn Khánh	01/03/13			ấp 3	Phù Tân	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
6840	K' Nguyễn Tấn Thành	07/25/16			414/11 ấp 7	Phù Tân	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
6841	La Minh Đạo	02/23/12			05/1 ấp 5	Phù Tân	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
6842	Lương Thu Đào		05/06/08		ấp 7	Phù Tân	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
6843	Ngô Thị Nhã Uyên		03/19/14		ấp 2	Phù Tân	Người KTN TE	600,000 đ	1.500.000	
6844	Chu Thị Bích Tiên		04/11/89		21/3 ấp 5	Phù Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6845	Cù Mù Sáng	05/16/92			Ấp 1	Phù Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6846	Đinh Nguyệt Vây	10/10/91			135/4 ấp 8	Phù Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6847	Hồ Thị Hương		01/01/64		193 ấp 4	Phù Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6848	Hỷ Văn Thào	11/24/85			ấp 3	Phù Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6849	Ká Biệt		06/23/74		433 tổ 11 Ấp	Phù Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6850	Ka Môn		01/01/89		Ấp 7	Phù Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6851	Khánh Văn Phong	06/17/72			117/4 ấp 7	Phù Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6852	La Thị Ngọc Lan		07/07/87		346/9 Ấp 7	Phù Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6853	Lao Bạt Múi		08/06/67		162/4 Ấp 5	Phù Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
6854	Lầu Cùn Kiu		11/10/87		300/7 Ấp 5	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6855	Lê Văn Dương	01/01/64			122/1 Ấp 1	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6856	Lưu Kim Ngọc		03/14/98		362/5 Ấp 5	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6857	Lưu Thị Tuyết Thu	01/01/68			Ấp 3	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6858	Lý Tài Mùi		10/20/61		206/3 ấp 3	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6859	Lý Ứng Mùi		01/02/83		30 kdc 1 Ấp	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6860	Ngô Chí Dương	12/11/01			168/5 ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6861	Ngô Thị Dung		08/18/86		Ấp 5	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6862	Nguyễn Hữu Linh	01/01/87			240 kdc 6 ấp	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6863	Nguyễn Phi Phòng		01/01/90		Ấp 3	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6864	Ninh Phát Bàu	09/28/69			ấp 3	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6865	Ninh Văn Quý	01/01/65			ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6866	Nông Thắng Phóng	08/15/87			ấp 1	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6867	Phạm Văn Chưa	10/07/70			ấp 8	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6868	Phan Văn Nô	01/01/85			100kdc 2 ấp 1	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6869	Sú Thị Kim	01/01/71			337/9 Ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6870	Trần Hoàng Nam	03/26/88			10/1 ấp 8	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6871	Trần Mạnh Và	01/01/78			Ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6872	Tsần Văn Phương	12/21/60			89/2 ấp 5	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6873	Ừng Chi Nhộc	05/05/96			312/5 ấp 2	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6874	Ừng Quảng	01/01/72			ấp 5	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6875	Võ Văn Kì	01/01/61			280 kdc 5 ấp	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6876	Vòng Nhộc Kìu		01/01/67		71 ấp 2	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6877	Vòng Say Phu	11/07/78			7/1 Ấp 4	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6878	Vòng Tống Mù	01/20/84			tổ 3 Ấp 3	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6879	Vũ Thị Lan		10/31/63		244/2 ấp 1	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6880	Sần A Phúc	12/15/81			140/1 ấp 1	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6881	Trần Thị Mến		01/01/70		89/2 ấp 2	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6882	Nguyễn Thị Nhen		01/01/62		103/6 ấp 3	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	
6883	Đinh Bà Kỳ	01/01/67			283/8 ấp 7	Phú Tân	Người khuyết tật nặng	450,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6884	Diệp Phát Sáng	01/14/50			65kdc 1 áp 3	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6885	Hồ Lý Mùi		02/02/57		54/1 áp 3	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6886	Hong Giàu Lòng	08/14/53			áp 7	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6887	Lai Dân Sáng	01/01/40			áp 1	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6888	Lê Hoàng Diệu	01/01/50			áp 5	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6889	Lê Hồng Linh	01/01/47			161 kdc4 áp 4	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6890	Lê Thị Diệp		01/01/58		77/2 áp 8	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6891	Liêu Thị Mối		01/01/59		8/1 Áp 5	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6892	Lý Mãn Kiu		01/01/52		Áp 7	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6893	Nguyễn Duy Tâm	01/01/46			áp 7	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6894	Nguyễn Thị Nguyệt		01/01/58		249/7 áp 6	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6895	Nguyễn Văn Đục	01/01/58			Áp 8	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6896	Nguyễn Văn Sơn	01/01/43			61/2 Áp 2	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6897	Ninh Thủy Tiên		01/05/60		240/7 áp 7	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6898	Phạm Thành Trung	07/17/53			61/1 áp 1	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Tự cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6899	Phan Thị Chương		04/01/55		205/3 ấp 3	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6900	Quách Thị Mỹ		05/21/55		47/1 ấp 1	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6901	Trần Liên Đệ	11/13/46			211/5 ấp 2	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6902	Trần Quang Hiến	12/01/52			12/1 ấp 2	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
6903	Trần Văn Dũng	01/01/56			22a/2 ấp 7	Phú Tân	NKT nặng là NCT	600,000 đ	600.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
6904	Hồ Tấn Linh	01/01/07			ấp 3	Phú Hòa	TE từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có NND	450,000 đ	1.500.000	
6905	Hồ Thị Kim Yến		12/03/05		ấp 3	Phú Hòa	TE từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có NND	450,000 đ	1.500.000	
6906	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		01/21/01		ấp 1	Phú Hòa	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có NND	450.000	1.500.000	
6907	Trần Thị Quỳnh Như		03/21/04		ấp 1	Phú Hòa	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có NND	450.000	1.500.000	
6908	Phạm Anh Thư		09/08/91		Ấp 3	Phú Hòa	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
6909	Lý Thị Nhân		01/01/45		93/10 Ấp 2	Phú Hòa	NCT cô đơn thuộc HN từ đủ 60- 80 tuổi	450.000	600.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
6910	Nguyễn Thị Phin		01/20/48		300/7 Ấp 2	Phú Hòa	NCT cô đơn thuộc HN từ đủ 60- 80 tuổi	450.000	1.500.000	
6911	Bùi Thị Tơ		01/01/31		kdc 8 ấp 2	Phú Hòa	Người CT cô đơn thuộc HN từ đủ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6912	Bùi Thị Liễu		04/10/39		Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6913	Bùi Uốp	01/01/30			249/13 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6914	Bùi Văn Vân	01/01/29			5/1 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6915	Chang Quan	08/12/35			áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6916	Chế Thị Luôn		02/17/35		KDC 2 - Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6917	Đinh Thị Đại		01/01/30		áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6918	Đinh Tư	05/15/36			áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6919	Đinh Văn Kiểm	01/01/40			Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6920	Đỗ Thị Hải	01/01/33			kdc 8 Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6921	Đoàn Thị Hẹ		01/01/37		Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6922	Đoàn Thị Lượng		01/01/36		Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6923	Đoàn Thị Ninh		01/01/40		Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6924	Đồng Hữu Thanh	01/01/32			100/3 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6925	Đồng Thị Kiều		01/01/31		155/11 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6926	Dương Thị Cẩm		06/08/35		Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6927	Hồ Năm	01/01/32			kdc 18 Ấp 4	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6928	Hồ Thị Ngân		01/01/28		kdc 1 Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6929	Hồ Thị Phương		01/01/36		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6930	Hoàng Thị Lý		01/01/36		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6931	Hoàng Văn Huân	02/10/37			Ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6932	Huỳnh Con	01/01/33			Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6933	Huỳnh Thị Doan		01/01/36		Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6934	Huỳnh Thị Hoàng		01/01/36		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6935	Huỳnh Thị Liên		01/01/40		Ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6936	Huỳnh Thị Nhỏ		01/01/40		Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6937	Huỳnh Thị Thanh	01/01/33			259/13 Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6938	Huỳnh Thị Thành		01/01/27		110/10 Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6939	Kỷ Thị Tại		01/01/36		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6940	Lâm Thị Minh		01/01/37		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6941	Lê Tấn Xuân	03/06/38			Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6942	Lê Thị Chín	01/01/33			kdc 3 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6943	Lê Thị Diễm	01/01/33			349/14 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6944	Lê Thị Hương		01/01/37		Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6945	Lê Thị Lát		01/01/34		KDC 11 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6946	Lê Thị Mai		01/01/35		KDC 19 - Áp	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	chết t4/2020
6947	Lê Thị Mai		01/01/40		Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6948	Lê Thị Thiếp		01/01/30		Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6949	Lê Văn Lâm	06/12/39			Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6950	Lê Văn Triệu	04/22/38			Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6951	Lý Thị Láng		01/01/34		KDC 10 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6952	Ma Thị Nữ	01/01/32			Áp 201/6	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6953	Mai Lạc	05/02/38			Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6954	Ngô Thị Đào		01/01/37		Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6955	Nguyễn Bung	12/10/39			Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6956	Nguyễn Minh	01/01/32			224/12 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6957	Nguyễn Ngọc Năng	01/01/33			kdc 8 Ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6958	Nguyễn Thanh Cao	01/01/36			Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6959	Nguyễn Thành Lộc	01/01/34			KDC 13 Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6960	Nguyễn Thị Ánh		01/01/39		Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6961	Nguyễn Thị Bông		01/01/34		KDC 8 Ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6962	Nguyễn Thị Chắt		01/01/35		KDC 2 - Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6963	Nguyễn Thị Chéo	01/01/33			kdc 3 Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6964	Nguyễn Thị Chót		01/01/31		196 ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6965	Nguyễn Thị Gia		01/01/28		120/15 Ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6966	Nguyễn Thị Hai		01/01/36		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6967	Nguyễn Thị Hiệp		09/16/39		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6968	Nguyễn Thị Hòa		01/01/39		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6969	Nguyễn Thị Huê		01/01/32		20/9 Ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6970	Nguyễn Thị Hương	01/01/33			12 kdc 6 Ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6971	Nguyễn Thị Lãi		01/01/37		ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
6972	Nguyễn Thị Lành		01/01/30		107/8 Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6973	Nguyễn Thị Mùi		01/01/34		KDC3 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6974	Nguyễn Thị Nay		01/01/36		Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6975	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/37		Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6976	Nguyễn Thị Nhân	01/01/33			kdc 5 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6977	Nguyễn Thị Nhỏ		01/01/36		Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6978	Nguyễn Thị Sang		01/01/37		Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6979	Nguyễn Thị Sơ		01/01/29		38/1 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6980	Nguyễn Thị Sương		01/01/33		249/13 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6981	Nguyễn Thị Thanh		01/01/35		KDC 8 - Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6982	Nguyễn Thị Thao		01/01/37		Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6983	Nguyễn Thị Thảo		01/01/38		ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6984	Nguyễn Thị Thể		01/01/40		Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6985	Nguyễn Thị Tho		01/01/30		267 kdc 2 Áp	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.000.000	chết t5/2020
6986	Nguyễn Thị Toàn	01/01/31			Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
6987	Nguyễn Thị Trang		01/01/34		KDC 5 Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6988	Nguyễn Thị Tuy	01/01/33			kdc 11 Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6989	Nguyễn Thị Vui		01/01/31		kdc 20 ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6990	Nguyễn Thị Xinh		11/20/37		ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6991	Nguyễn Thị Xuyên		01/01/36		Ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6992	Nguyễn Tô	01/01/30			115 kdc 11 Ấp	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6993	Nguyễn Văn Biên	01/01/28			295 kdc 13 Ấp	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6994	Nguyễn Văn Buồi	01/01/32			337 kdc 7 Ấp 1	Phú Hòa.	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6995	Nguyễn Văn Hai	01/01/36			Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6996	Nguyễn Văn Kỳ	01/01/38			ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6997	Nguyễn Văn Minh	01/12/40			Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6998	Nguyễn Văn Nhận	01/01/34			KDC 13 Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6999	Nguyễn Văn Nhút	01/01/33			kdc 5 Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7000	Nguyễn Văn Nuôi	02/21/40			Ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7001	Nguyễn Văn Xà	01/01/35			KDC 21 - Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7002	Nguyễn Viết Chiên	01/01/40			Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7003	Nguyễn Vinh	01/01/37			Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7004	Nguyễn Vinh	01/01/34			KDC 14 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7005	Nguyễn Xừ	01/01/32			213 kdc 19 Áp	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7006	Nguyễn Xuân Phùng	01/01/33			kdc 5 Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7007	Oun Hưng	01/01/32			kdc 5 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7008	Phạm Đà	01/01/31			kdc 21 Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7009	Phạm Lập Em	10/07/34			KDC 11 áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7010	Phạm Sinh	01/02/37			Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7011	Phạm Thị Diệt		01/01/37		Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7012	Phạm Thị Hòe		08/06/36		áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7013	Phạm Thị Lạ		01/01/31		áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7014	Phạm Thị Liễu		01/01/34		KDC 14 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7015	Phạm Thị Nhường		01/01/30		áp 4	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7016	Phạm Thị Sang	04/12/39			Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7017	Phạm Văn Hương	03/25/37			ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7018	Phan Thị Hoa		01/01/39		Ấp 4	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7019	Phùng Đức Trà	01/01/30		259 kdc 13 Ấp		Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7020	Tạ Tham Tri	05/15/33			kdc 5 Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7021	Tạ Văn Hội	01/01/37			Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7022	Thân Thị Linh		01/01/27		Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7023	Trần Minh Kiệt	01/01/25			kdc 16 ấp 4	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7024	Trần Quang Uy	10/10/35			ấp 4	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7025	Trần Sáo	04/24/38			Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7026	Trần Thị Đẹp		01/01/39		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7027	Trần Thị Hai		01/01/38		ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7028	Trần Thị Hồng Hạnh		01/01/38		ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7029	Trần Thị Lan		01/01/37		Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7030	Trần Thị Nữ		01/01/40		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7031	Trần Thị O		01/01/34		KDC 9 Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7032	Trần Văn Mà	01/01/30			97 kdc 10 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7033	Trịnh Thị Gái		01/01/30		kdc 13 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7034	Trịnh Thị Liên		01/01/40		Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7035	Trịnh Thị Xa		01/01/40		Áp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7036	Trương Thị Ba		01/01/26		228 kdc 2 áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7037	Trương Thị Nghiệp		01/01/34		KDC 12 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7038	Trương Thị Uẩn		01/01/36		Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7039	Võ Đình Thú	01/01/33			kdc 9 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7040	Võ Siêng	01/01/26			57 kdc 9 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7041	Võ Thị Loan		02/10/38		áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7042	Võ Thị Lương		01/01/25		203 kdc 12 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7043	Võ Thị Mao		01/01/26		kdc 11 Áp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7044	Võ Trí	01/01/35			KDC 3 - Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7045	Võ Văn Đù	01/01/32			130 kdc 4 Áp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7046	Võng A Mùi		01/01/29		kdc 16 Áp 4	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7047	Vũ Thị Đào		01/01/40		Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7048	Vũ Tiến Đại	03/03/40			Ấp 1	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.000.000	chết 15/2020
7049	Nguyễn Thị Rần		01/01/38		ấp 2	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7050	Nguyễn Trọng An	12882			Ấp 3	Phú Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7051	Danh Thị Ngọc Vân		09/03/05		kdc 10 Ấp 3	Phú Hòa	NKTD BN	750.000	1.500.000	
7052	Huỳnh Thị Ngọc Oanh		03/16/08		Ấp 3	Phú Hòa	NKTD BN	750.000	1.500.000	
7053	Nguyễn Công Hòa	07/14/06			Ấp 2	Phú Hòa	NKTD BN	750.000	1.500.000	
7054	Nguyễn Thị Thanh Ngọc		06/11/08		Ấp 2	Phú Hòa	NKTD BN	750.000	1.500.000	
7055	Tạ Minh Sơn	03/24/07			ấp 2	Phú Hòa	NKTD BN	750.000	1.500.000	
7056	Trần Thị Thúy Vy		08/13/04		Ấp 3	Phú Hòa	NKTD BN	750.000	1.500.000	
7057	Bùi Sơn Hải	02/01/82			Ấp 1	Phú Hòa	NKTD BN	600.000	1.500.000	
7058	Bùi Thế Anh	01/01/84			Ấp 1	Phú Hòa	NKTD BN	600.000	1.500.000	
7059	Đông Hữu Hiệp	01/01/82			ấp 1	Phú Hòa	NKTD BN	600.000	1.500.000	
7060	Hồ Thị Thúy		09/10/87		Ấp 1	Phú Hòa	NKTD BN	600.000	1.500.000	
7061	Lê Thị Kim Loan		08/07/61		kdc 4 Ấp 1	Phú Hòa	NKTD BN	600.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7062	Lộ Thị Vũ Nhung		01/01/88		Áp 1	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7063	Lý Hoàng Tú	11/19/86			áp 4	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7064	Ngô Đăng Hùng	08/11/83			Áp 3	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7065	Nguyễn Hữu Tiến	01/01/65			áp 1	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7066	Nguyễn Nhật Trường	01/01/85			áp 1	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7067	Nguyễn Thị Mỹ Sang		02/20/74		Áp 3	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7068	Nguyễn Thị Ngọc Lan		08/28/92		Áp 3	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7069	Nguyễn Thị Xuân		09/09/74		Áp 1	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7070	Nguyễn Tuấn Hùng	01/01/66			Áp 2	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7071	Nguyễn Tuấn Kiệt	06/10/79			Áp 3	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7072	Nguyễn Văn Minh	08/01/85			Áp 3	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7073	Nguyễn Văn Thề	03/22/89			Áp 2	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7074	Phạm Ngọc Anh	07/13/96			Áp 2	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7075	Phạm Ngọc Minh Anh		07/14/03		Áp 3	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	
7076	Trần Đình Nghĩa	09/07/92			Áp 1	Phú Hòa	NKTĐBN	600.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7077	Trần Đức Tuấn	01/01/72			ấp 1	Phú Hòa	NKTD BN	600.000	1.500.000	
7078	Trần Phước Được	08/29/97			ấp 3	Phú Hòa	NKTD BN	600.000	1.500.000	
7079	Trương Văn Đại	01/01/83			Ấp 2	Phú Hòa	NKTD BN	600.000	1.500.000	
7080	Võ Ngọc Lan Oanh		10/10/93		Ấp 3	Phú Hòa	NKTD BN	600.000	1.500.000	
7081	Bùi Văn Hùng	01/01/49			ấp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	
7082	Cù Thị Thìn		01/01/35		KDC 9 - Ấp 3 Phú Hòa		Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	
7083	Đặng Thị Đây		01/01/42		ấp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	
7084	Đông Tài	04/20/56			Ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	
7085	Lê Văn Đến	01/01/58			Ấp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	
7086	Mai Đình Thụy	03/08/40			Ấp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	
7087	Ngô Văn Cấn	01/01/51			KDC 14 Ấp 3 Phú Hòa		Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	
7088	Nguyễn Thị Cấn		01/01/25		kdc 3 Ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	
7089	Nguyễn Thị Ly		06/20/38		Ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	
7090	Nguyễn Văn Cấn	01/01/34			ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	
7091	Nguyễn Văn Quý	11/28/39			Ấp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750.000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7092	Nguyễn Văn Tá	01/01/35			Áp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
7093	Phạm Thị Bích Hương		09/17/59		Áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
7094	Phạm Thị Chính		01/01/48		áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
7095	Phạm Thị Láng		01/26/57		Áp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
7096	Phan Thị Liên		01/01/46		Áp 4	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
7097	Trần Thị Chu		01/01/32		Áp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
7098	Trương Thị Ry		05/06/37		Áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
7099	Võ Thị Châu		02/13/38		áp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
7100	Bùi Kỳ Dương	05/18/08			áp 3	Phú Hòa	Người KTN TE	600.000	1.500.000	
7101	Bùi Thị Thùy Trang		05/08/05		áp 3	Phú Hòa	Người KTN TE	600.000	1.500.000	
7102	Đặng Thị Phương Nhi		05/21/07		áp 3	Phú Hòa	Người KTN TE	600.000	1.500.000	
7103	Trần Na Ny	05/20/13			áp 2	Phú Hòa	Người KTN TE	600.000	1.500.000	
7104	Trần Nguyễn Công Đi	11/14/05			Áp 2	Phú Hòa	Người KTN TE	600.000	1.500.000	
7105	Đào Văn Định	10/10/77			Áp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7106	Dương Tấn Nghĩa	01/01/61			kdc 7 Áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngân đồng)		Chí chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7107	Hỷ Coóc Sánh		03/19/93		ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7108	Lê Ngọc Đức Hạnh	11/07/86			ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7109	Lê Phú Yên	06/04/96			ấp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7110	Lê Thị Hiền		10/10/62		ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7111	Lê Thị Hoàng Nhung		05/04/95		ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7112	Lê Thị Thu Nga		01/01/64		Ấp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7113	Lý Kin Sênh	05/02/00			ấp 4	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7114	Mai Thị Thu Lan		01/01/69		Ấp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7115	Nguyễn Hữu Phúc	01/01/67			Ấp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7116	Nguyễn Ngọc Ánh	03/07/63			ấp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7117	Nguyễn Phúc Minh	05/05/80			Ấp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7118	Nguyễn Thái Bảo	08/22/03			ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7119	Nguyễn Thị Hương		12/10/63		Ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7120	Nguyễn Thị Mạnh Quỳnh		02/28/98		Ấp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7121	Nguyễn Thị Mỹ Phương		06/07/93		Ấp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7122	Nguyễn Thị Như Diên		03/08/74		Áp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7123	Nguyễn Thị Phương Thảo		11/10/03		áp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7124	Nguyễn Thị Thúy		01/01/61		Áp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7125	Nguyễn Trung Minh Thu		03/10/80		áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7126	Nguyễn Văn Hà Đồng	01/01/71			KDC 11 Ấp 3	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7127	Nguyễn Văn Hải	11/16/86			Áp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7128	Phạm Thị Mão		01/01/75		KDC 1 ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7129	Phạm Văn Thơm	07/27/68			Áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7130	Tô Tuấn Kiệt	01/09/92			Áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7131	Trần Bùi Ngọc		01/01/80		Áp 4	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7132	Trần Bùi Trí	08/04/77			áp 4	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7133	Trần Thanh Dũng	01/01/69			Áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7134	Trần Thanh Tuấn	01/01/64			Áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7135	Trần Thị Hoa		01/01/62		Áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7136	Trần Thị Mỹ Hồng		01/01/74		Áp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7137	Trần Văn Hoàng	10/19/1963			Ấp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
7138	Trương Quang Phú Qu	11/16/2001			ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7139	Trương Thị Thu Trinh		7/31/1978		ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7140	Trương Thị Thúy		9/20/1966		ấp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7141	Ứng Năm Sáng	9/30/1981			ấp 4	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7142	Võ Thị Oanh		5/4/1974		ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7143	Vũ Đoàn Đức Thanh	9/21/2001			ấp 1	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7144	Yu Á Cón	9/14/1980			Ấp 2	Phú Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7145	Đặng Bách Khoa	2/7/1957			ấp 2	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	1.500.000	
7146	Lộc Dương	4/10/1956			ấp 4	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	1.500.000	
7147	Nguyễn Anh Tuấn	1/1/1954			Ấp 1	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	1.500.000	
7148	Nguyễn Hoàng Võ	1/1/1948			ấp 3	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	500.000	chết t4/2020
7149	Nguyễn Ngọc Châu		10/2/1959		ấp 2	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	1.500.000	
7150	Nguyễn Thị Gấm		1/1/1940		ấp 1	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
7151	Nguyễn Thị Thanh		1/1/1941		ấp 1	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	1.500.000	
7152	Nguyễn Văn Hiền	7/24/1939			Áp 3	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	500.000	chết t4/2020
7153	Phạm Thị Vân		1/1/1943		Áp 1	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	600.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
7154	Trần Thị Nhật		8/14/1950		kdc 8 ấp 2	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	1.500.000	
7155	Trương A	3/20/1943			ấp 1	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	1.500.000	
7156	Trương Thanh Đoán	10/5/1958			Áp 2	Phú Hòa	NKT nặng là người CT	600.000	1.500.000	
Tổng cộng: 7,156 đối tượng								10.614.200.000		

Số tiền viết bằng chữ: Mười tỷ, sáu trăm mười bốn triệu, hai trăm ngàn đồng

Đồng Nai, ngày tháng 5 năm 2020

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp